

## KẾT LUẬN THANH TRA

### **Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính ngân sách năm 2021 và năm 2022 đối với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Gia Viễn**

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTr ngày 08/02/2023 của Chánh Thanh tra huyện về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính ngân sách năm 2021, năm 2022 đối với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày 17/02/2023 đến ngày 30/3/2023.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTTr ngày 05/4/2023 của Trưởng đoàn thanh tra và hồ sơ, tài liệu có liên quan, Thanh tra huyện kết luận như sau:

#### **I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện được thành lập theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông; hiện nay Trung tâm có 16 viên chức, người lao động; là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Gia Viễn, có chức năng tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, công tác chuyên môn kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về chăn nuôi, thú y (kể cả thú y thủy sản), trồng trọt, bảo vệ thực vật và tư vấn dịch vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trên địa bàn.

#### **II. KẾT QUẢ THANH TRA**

##### **1. Việc lập, thẩm định dự toán chi ngân sách**

Hàng năm, căn cứ vào biên chế được giao và nhu cầu kinh phí hoạt động của Trung tâm, Kế toán đơn vị đã lập dự toán ngân sách gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp, tham mưu UBND huyện xem xét và trình HĐND huyện phê duyệt; trên cơ sở ngân sách được giao, đơn vị phân bổ dự toán theo chương, nhóm, mục quy định gửi đến phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và Kho bạc Nhà nước huyện thanh toán, kiểm soát, giám sát chi; đơn vị đã thực hiện chi theo dự toán đã được thẩm định. Hàng quý, năm đối chiếu dự toán kinh phí đảm bảo chính xác, đúng thời gian quy định.

##### **2. Kết quả thực hiện dự toán kinh phí được giao**

###### **2.1. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ**

Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho thủ trưởng đơn vị; tạo quyền chủ động cho cán bộ, viên chức trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao; quản lý, thanh toán các khoản chi



tiêu trong đơn vị, phục vụ việc kiểm soát của Kho bạc Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định. Tuy nhiên, nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, năm 2022 chưa quy định cụ thể một số nội dung, như: Mức chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại các hội nghị.

## **2.2. Kết quả thực hiện dự toán kinh phí được giao**

Trong 02 năm (năm 2021, 2022) kinh phí đã cơ bản bảo đảm hoạt động thường xuyên của đơn vị (có phụ lục kèm theo) cho thanh toán cá nhân và mua sắm trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác chuyên môn. Qua kiểm tra hồ sơ về nội dung chi và định mức chi phát sinh tại đơn vị còn tồn tại, khuyết điểm sau:

- Một số khoản chi mua hàng hóa, vật tư phục vụ công tác chuyên môn năm 2021, năm 2022 chưa có hồ sơ thể hiện việc thống nhất trong ban lãnh đạo Trung tâm theo Quy chế chi tiêu nội bộ, cụ thể: ngày 22/2/2021 chi 15.780.000 đồng mua hàng hoá vật tư nông nghiệp phục vụ công tác chuyên môn; ngày 24/8/2021 chi 20.800.000 đồng mua hoá chất khử trùng, tiêu độc RTD-Iodine; ngày 21/12/2022 chi 48.100.000 đồng mua hoá chất khử trùng, tiêu độc cho công tác phòng chống dịch bệnh chăn nuôi gia súc, gia cầm ....

- Chi 17.800.000 đồng khoán công tác phí năm 2021 chưa có hồ sơ thể hiện những người đủ điều kiện được hưởng chế độ khoán công tác phí theo quy định.

- Chi 45.800.000 đồng bồi dưỡng giảng viên các hội nghị tập huấn (năm 2021 là 24.200.000 đồng; năm 2022 là 21.600.000 đồng) chưa quy định cụ thể mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

## **2.3. Nguồn kinh phí thực hiện các mô hình khuyến nông**

Trong năm 2021, năm 2022, đơn vị đã triển khai thực hiện 05 mô hình khuyến nông với số tiền 99.000.000 đồng, cụ thể: Mô hình trồng lúa HG12: 17.000.000 đồng; mô hình cà chua trái vụ: 25.000.000 đồng; mô hình gà đẻ trứng theo hướng an toàn sinh học: 25.000.000 đồng; mô hình trồng ngô ngọt 16.000.000 đồng; mô hình vịt đẻ trứng theo hướng an toàn sinh học 16.000.000 đồng. Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ cho thấy đơn vị đã tổ chức các hội nghị tập huấn kỹ thuật và cung cấp vật tư phục vụ mô hình khuyến nông tới các hộ thực hiện mô hình.

## **2.4. Công tác quản lý, sử dụng tài sản**

Thực hiện theo Quyết định giao dự toán hàng năm Trung tâm đã tiến hành mua sắm tài sản (gồm: 01 tủ bảo ôn; 02 tủ trưng bày sản phẩm và 01 máy lọc nước) phục vụ công tác chuyên môn và công trình cơ sở hạ tầng. Qua kiểm tra, đơn vị thực hiện mở sổ theo dõi sử dụng tài sản, trích khấu hao hàng năm theo quy định.

## **2.5. Việc thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp tại đơn vị**

Đơn vị đã thực hiện công tác kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/IT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ trên phần mềm kế toán Misa; các nghiệp vụ kế toán phát sinh cơ bản được phản ánh đầy đủ, kịp thời vào sổ sách kế toán. Tuy nhiên qua kiểm tra còn một số tồn tại, hạn chế như: Chưa mở sổ theo dõi hàng hoá, vật tư nhập kho, xuất kho; sổ quỹ tiền mặt năm 2021 còn thiếu trang và chưa thực hiện việc khoá sổ, chốt sổ dư đầy đủ từng tháng theo quy định.

## 2.6. Việc thực hiện các quy định về công khai ngân sách.

Đơn vị đã ban hành các quyết định về công khai dự toán, ngân sách năm 2021 và năm 2022 trong các cuộc họp cơ quan. Tuy nhiên còn một số nội dung, thủ tục, hồ sơ lưu trữ việc công khai ngân sách chưa đầy đủ theo quy định.

## III. KẾT LUẬN

### 1. Ưu điểm:

- Trên cơ sở nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm, Trung tâm đã thực hiện tương đối đầy đủ trình tự lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán thu, chi kinh phí thể hiện đầy đủ chương - loại - khoản - mục - tiểu mục theo quy định của Mục lục ngân sách Nhà nước.

- Các khoản chi cho hoạt động chuyên môn của đơn vị và chi thanh toán cho cá nhân như: Chi lương, các khoản đóng góp theo lương (BHΛH, BHYT, kinh phí công đoàn,...) được đảm bảo kịp thời.

- Sổ sách kế toán cơ bản đầy đủ theo quy định; các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán, các báo cáo quyết toán;

- Việc thực hiện thí điểm các mô hình khuyến nông đã thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và định mức nhà nước quy định.

- Công tác lập báo cáo quyết toán hàng quý, năm thực hiện đúng biểu mẫu và thời gian quy định.

### 2. Khuyết điểm, tồn tại

- Một số nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 và năm 2022 chưa đảm bảo theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính (chưa quy định cụ thể mức chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại các hội nghị);

- Một số khoản chi mua hàng hóa, vật tư phục vụ công tác chuyên môn năm 2021 và năm 2022 chưa có hồ sơ thể hiện việc thống nhất trong ban lãnh đạo Trung tâm theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Chi khoán công tác phí năm 2021 chưa có hồ sơ thể hiện những người đủ điều kiện được hưởng chế độ khoán công tác phí theo quy định.

- Chi bồi dưỡng giảng viên tại các hội nghị tập huấn chưa quy định cụ thể mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Chưa mở sổ theo dõi hàng hóa, vật tư nhập kho, xuất kho; sổ quỹ tiền mặt năm 2021 còn thiếu trang và chưa thực hiện việc khoá sổ, chốt sổ dư đầy đủ từng tháng theo quy định; một số nội dung, thủ tục hồ sơ lưu trữ việc công khai ngân sách chưa đầy đủ theo quy định.

## IV. KIẾN NGHỊ

Từ kết quả thanh tra, Thanh tra huyện kiến nghị biện pháp xử lý đối với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện như sau:

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.



- Thực hiện các khoản chi phải đảm bảo đầy đủ trình tự thủ tục, tiêu chuẩn định mức theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành, khắc phục những tồn tại, khuyết điểm như đã nêu trên.

- Rà soát lại toàn bộ hàng hoá, vật tư tồn kho, mở sổ theo dõi đầy đủ, chính xác theo quy định;

- Rà soát bổ sung, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, thủ tục còn thiếu sót đã nêu tại phần kết luận thanh tra; thực hiện công khai ngân sách đầy đủ nội dung và hình thức công khai theo quy định của pháp luật;

Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được; đồng thời thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với những khuyết điểm, tồn tại nêu trên trong công tác quản lý tài chính, ngân sách năm 2021 và năm 2022 báo cáo UBND huyện xem xét xử lý theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính ngân sách năm 2021 và năm 2022 đối với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Gia Viễn.

Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện có trách nhiệm công khai Kết luận thanh tra, tổ chức thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản gửi về Thanh tra huyện **trước ngày 15/5/2023**.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện;
- Lưu: TTr, Hsơ.

Đề  
báo  
cáo



**Dư Quốc Tịch**



## PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện dự toán được giao

~~năm 2021 và năm 2022~~ tại Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Gia Viễn

~~theo Kế hoạch số 01/KL-TTr ngày 10/4/2023 của Thanh tra huyện Gia Viễn)~~

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán			Kinh phí thực hiện	Chi chú
		Đầu năm	Bổ sung	Tổng		
I	NĂM 2021					
1	Dư đầu kỳ					
2	Nguồn kinh phí được cấp	1.004.300	333.078	1.337.378	1.333.878	
2.1	Nguồn KP tự chủ	1.004.300	245.523	1.249.823	1.246.323	Giữ lại 3,5 triệu đồng
2.2	Nguồn KP không tự chủ	0	87.555	87.555	87.555	
3	Kinh phí được sử dụng	1.004.300	333.078	1.337.378	1.333.878	
II	NĂM 2022					
1	Dư đầu kỳ					
2	Nguồn kinh phí được cấp	1.437.900	140.730	1.578.630	1.578.630	
2.1	Nguồn KP tự chủ	1.437.900	2.500	1.440.400	1.440.400	
2.2	Nguồn KP không tự chủ	0	138.230	138.230	138.230	
3	Kinh phí được sử dụng	1.437.900	140.730	1.578.630	1.578.630	